

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HN - ST
Ngày: 31 - 8 - 2018
V/v tranh chấp “ Ly hôn, nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quách Tử Diệc
2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp “ ly hôn, nuôi con ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐXXST - HN ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Công H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Số 16/7 Nguyễn Thái H, phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Võ Nhật B, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 107A/6 ấp SĐ, xã TĐ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Chị và anh Võ Nhật B kết hôn vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Vĩnh Long. Vợ chồng sống chung khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do anh B đi làm sớm về muộn, lại thường xuyên uống rượu với bạn bè, không quan tâm vợ con, không chăm lo cho con cái, anh B có quan hệ với nhiều phụ nữ khác, không chung thủy, từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, giữa vợ chồng đã không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn anh Võ Nhật B.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên Võ Nhật Q, sinh ngày 07/6/2012 và Võ Nhật N, sinh ngày 28/7/2015 hiện chị H đang nuôi dưỡng, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con 1.500.000đ/ tháng cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi hoặc khi có thỏa thuận khác.

- Về tài sản chung: Chị và anh B không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị H yêu cầu 02 con chung tên Võ Nhật Q, sinh ngày 07/6/2012 và Võ Nhật N, sinh ngày 28/7/2015.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung vì chị có khả năng nuôi dưỡng hai con chung.

Anh Võ Nhật B không có văn bản nêu ý kiến của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “ly hôn, nuôi con”, do bị đơn hiện đang cư trú tại xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, căn cứ vào quy định tại Điều 82, điểm 1 khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Nhật B được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 07/6/2018, ngày 09/7/2018 và tham gia phiên tòa nhưng anh B vẫn

vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Nhật B theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyền số 01, do Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Vĩnh Long cấp ngày 28/07/2010 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã có nhiều bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Trên thực tế, đời sống hôn nhân giữa chị H và anh B không còn gắn bó, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản phản đối về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng mà chị H nêu ra, không phản đối yêu cầu ly hôn của chị H, cũng không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh B.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung là Võ Nhật Q, sinh ngày 07/6/2012 và Võ Nhật N, sinh ngày 28/7/2015 là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ cháu Q và cháu N hiện nay chị H đang nuôi dưỡng, anh B cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi con của chị H. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 cháu Võ Nhật Q, sinh ngày 07/6/2012 và Võ Nhật N, sinh ngày 28/7/2015 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi hai con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Công H được ly hôn anh Võ Nhật B.

2. Về con chung: Giao hai cháu Võ Nhật Q, sinh ngày 07/6/2012 và Võ Nhật N, sinh ngày 28/7/2015 cho chị Phạm Công H tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Công H không yêu cầu anh Võ Nhật B cấp dưỡng nuôi hai con chung.

4. Về tài sản chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: chị Phạm Công H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001522 ngày 09/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ qua, chị H không phải nộp thêm án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: chị Phạm Công H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Võ Nhật B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú